

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2017

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXX-ST ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thân Thị T, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn TĐ, xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cư trú tại: Cộng hòa Síp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Hạnh H - Luật sư văn phòng luật sư TH (nộp hồ sơ khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí, nhận, chuyển hồ sơ, tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Thân Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 31/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã

TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn được 06 tháng thì vợ chồng chị ra ở riêng trên đất nhà chú chồng bán cho anh chị. Chị phải đi làm để trả tiền nợ mua nhà vì mới trả được một nửa còn anh N thì suốt ngày uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị.

Tối ngày mừng 2 tết năm 2008 anh N uống rượu say về đánh đập chị, do không chịu đựng được cuộc sống vợ chồng như vậy nên chị đi xuất khẩu lao động. Ngày 27/02/2009 chị đi làm việc tại Cộng hòa Síp, khi đó anh N ở nhà không lo làm ăn, chăm sóc con cái mà chỉ uống rượu. Ngày 17/7/2010 anh N bị tai nạn, bố mẹ chồng chị gọi điện yêu cầu chị gửi tiền về để điều trị cho anh N, chị phải vay 2000 EUR để gửi về cho anh N điều trị. Đến ngày 18/7/2011 chồng chị lại bị tai nạn do say rượu, anh chồng chị gọi điện bảo cần gấp 6000EUR để đưa chồng chị đi viện, chị trả lời là không có nhiều tiền như vậy và vẫn chưa trả hết nợ của lần vay trước thì bố mẹ chồng chị lại chửi mắng chị. Từ khi chị đi làm việc ở nước ngoài anh N không gọi điện hỏi thăm, động viên chị mà chỉ ở nhà uống rượu, không lao động, gia đình chồng chị thì gọi điện yêu cầu chị gửi tiền về chị không gửi thì bị chửi mắng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 09/03/2005 và cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/9/2007. Hiện nay hai cháu vẫn đang ở với bố mẹ đẻ của chị tại thôn TĐ, xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Chị vẫn gửi tiền về để nuôi các cháu, chị chưa yêu cầu tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị chưa yêu cầu tòa án giải quyết việc phân chia tài sản vợ chồng trong vụ án này.

Do chị đang lao động ở Cộng hòa Síp nên chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án. Chị cũng ủy quyền cho luật sư Triệu Hạnh H nộp đơn khởi kiện, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị T kết hôn năm 2003, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2009 chị T đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Síp, ban đầu chị T có gọi điện về hỏi thăm chồng con, đến năm 2011 anh bị tai nạn xe máy không đi lại được nữa kể từ đó chị T ít gọi điện về. Hiện nay thì chị T không còn liên lạc gì với anh nữa. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 4 năm 2017 và tại đơn đề nghị ngày 28 tháng 4 năm

2017 của anh, anh đồng ý ly hôn nhưng sau này tại biên bản lời khai ngày 02/6/2017 anh lại thay đổi lời khai là không đồng ý ly hôn với chị T nữa vì cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2017 anh N trình bày Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 09/03/2005 và cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/9/2007, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng sau này tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2017 anh N thay đổi lời khai, Nay Ly hôn, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung nữa.

Về tài sản và công nợ: Không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh không đồng ý ly hôn chị T vì giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức trầm trọng. Do vậy anh không đồng ý ly hôn. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định trong bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về Nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Thân Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Thân Thị T hiện đang lao động tại Cộng hòa Síp có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Thân Thị T là nguyên đơn hiện đang cư trú tại Cộng hòa Síp có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N có hộ khẩu thường trú tại thôn TĐ, xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thân Thị T với anh Nguyễn Văn N thì thấy: Chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 31/10/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Năm 2009 chị T đi xuất khẩu lao động, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, từ sau năm 2011 đến nay đã không còn liên lạc với nhau. Từ khi chị T đi lao động tại Cộng hòa Síp chưa lần nào về nước, vợ chồng sống xa cách không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn chị T vì xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng lại không đưa ra được căn cứ chứng minh, anh N cũng trình bày từ sau năm 2011 chị T không liên lạc gì về, anh chị không liên lạc gì với nhau. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 51, điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị T. Xử cho chị Thân Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

[4]. Về con chung: Chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Anh N tại biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa xác định anh không đồng ý ly hôn, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về phần con chung.

[5]. Về tài sản chung: Chị T và anh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Thân Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273, Điều 238;

khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xứ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Chị Thân Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000479 ngày 29/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Thân Thị T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã TL;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Quốc Hùng